

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN SƠN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ THỌ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ – ST

Ngày: 20 tháng 03 năm 2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN SƠN TỈNH PHÚ THO

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Hà Đức Trưởng;
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ;
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Sơn huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Quốc H – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2024/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02 /2025/QĐST – HNGĐ ngày 07/03/2025.

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị C, sinh ngày 05/3/1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Khu M, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Bi đơn: Anh Hà Văn S, sinh ngày 24/9/1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu M, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2024 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chỉ Bùi Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 26/7/2002, chị và anh Hà Văn S đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ (nay là huyện T). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến chị và anh S đã ly thân. Chị đang làm việc tại địa phương khác, kể từ thời điểm ly thân, hai bên không quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, cho chị ly hôn với anh S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 (một) con chung là cháu: Hà Phương A, sinh ngày 28/5/2003. Cháu đã thành niên và có gia đình riêng, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Về phía bị đơn anh Hà Văn S: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh S không có mặt nên chưa có lời trình bày.

[3]. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/01/2025, cháu Hà P trình bày: Bố cháu đang cư trú tại khu M, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ, làm nghề tự do và có mặt tại địa phương. Mẹ cháu đang làm việc ở xa, ít về nhà. Cháu đã có gia đình riêng và không yêu cầu bố mẹ phải có trách nhiệm liên quan đến việc nuôi dưỡng.

[4]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật;

Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chị C và anh S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh S là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đối với quan hệ về tài sản

chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí dân sự, đề nghị buộc chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị C có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ cho chị ly hôn với anh S, căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S, tuy nhiên anh S cố ý vắng mặt, chị C có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh S vắng mặt không có lý do, chị C xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào, khoản 1, khoản 3, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ngày 26/7/2002, anh Hà Văn S và chị Bùi Thị C đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ (nay là huyện T). Quan hệ hôn nhân giữa hai bên được xác lập là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn và chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú xác định vợ chồng chị C, anh S tồn tại nhiều mâu thuẫn, hai bên đã ly thân.

Theo hướng dẫn tại điểm a, khoản 3, Điều 4 của Nghị Quyết số 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì “*Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*” là thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng”;

Căn cứ vào hướng dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 (một) con chung là cháu: Hà Phương A, sinh ngày 28/5/2003. Cháu đã thành niên và có gia đình riêng. Bản thân cháu Phương A và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[4]. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh S vắng mặt tại Tòa án nên không có quan điểm trình bày. Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản của vợ chồng trong vụ án này. Anh S, chị C có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

[5]. Về án phí: Chị C là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Anh S và chị C có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 khoản 4, Điều 147, khoản 1, khoản 3, Điều 228, điểm a,b, khoản 1 Điều 238 và khoản 1, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào điểm a, khoản 5, Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Bùi Thị C được ly hôn với anh Hà Văn S.
2. **Về con chung:** Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

3. **Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:** Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
4. **Án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Bùi Thị C phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị C đã nộp 300.000VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: 0004695 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.
5. **Về quyền kháng cáo:** Chị C, anh S có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.
6. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Tân Sơn;
- THADS huyện Tân Sơn;
- UBND xã Long Cốc;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tân Khải Nhân